

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN XUÂN LỘC
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **92/2022/HNGĐ-ST**

Ngày 22-6-2022

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Huệ**.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Lương Khoa**

Ông **Nguyễn Xuân Tùng**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Kim Hương** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc tham gia phiên tòa: Bà **Phạm Thị Lý** - Kiểm sát viên.

Ngày 22/6/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 564/2021/TLST-HNGĐ ngày 16/12/2021 về ly hôn, tranh chấp nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 18/5/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 50/2022/QĐST-HNGĐ ngày 03/6/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Lê Văn T**, sinh năm 1995 (Vắng mặt).

ĐKTT: Ấp 3A, xã X1, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai

- Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị D**, sinh năm 1995 (Vắng mặt).

ĐKTT: Ấp S, xã X2, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện ngày 07/8/2021, trong quá trình làm việc, nguyên đơn anh Lê Văn T trình bày: Anh và chị D đăng ký kết hôn ngày 11/10/2019 tại UBND xã X2, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai trên cơ sở tự nguyện. Sau khi đăng ký kết hôn, vợ chồng anh thường xuyên làm ăn xa, mỗi người làm việc ở một tỉnh khác nhau nên rất ít khi gặp nhau. Hơn nữa, vợ chồng anh thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng trong quan điểm và lối sống, nguyên nhân do vợ chồng không có sự tin tưởng tuyệt đối với nhau và có lối sống khác biệt. Dù đã cố gắng trao đổi, nói chuyện với nhau để giải quyết mâu thuẫn vợ chồng nhưng vẫn không thể tìm được tiếng nói

chung trong cuộc sống. Mỗi quan hệ giữa vợ chồng anh ngày càng trở nên trầm trọng, căng thẳng. Đến khoảng tháng 12/2020, vợ chồng anh đã chính thức ly thân. Đến nay, anh chị không còn nói chuyện với nhau, mỗi người ở một nơi, vợ chồng không ai quan tâm đến ai. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn và kéo dài, vậy nên anh đề nghị được ly hôn với chị D.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Lê Nguyễn Minh A, sinh ngày 24 /07/2020. Hiện nay cháu A đang sống với anh. Sau khi ly hôn, anh yêu cầu được nuôi con chung đến đủ 18 tuổi và có khả năng lao động, anh không yêu cầu chị D dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết

* Trong quá trình làm việc bị đơn chị Nguyễn Thị D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do, vì vậy không có lời trình bày.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc:

Từ khi thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân theo đúng quy định pháp luật về tố tụng.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh T, anh T được ly hôn với chị D. Về con chung: giao Lê Nguyễn Minh A, sinh ngày 24 /07/2020 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con nên không giải quyết; tài sản chung và nợ chung: không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tư cách tham gia tố tụng: Anh Lê Văn T có đơn khởi kiện ly hôn với chị Nguyễn Thị D, do đó xác định anh T là nguyên đơn, chị D là bị đơn theo quy định tại khoản 2, 3 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Anh Lê Văn T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị Nguyễn Thị D đã được triệu tập tham gia phiên tòa đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, tiến hành xét xử vắng mặt anh T, chị D là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Văn T và chị Nguyễn Thị D tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau năm 2019 tại Ủy ban nhân dân xã X2, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. Do đó, quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[4] Theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

“Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”.

Xét yêu cầu của nguyên đơn nhận thấy: Anh T cho rằng, vợ chồng anh thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng trong quan điểm và lối sống, nguyên nhân do vợ chồng không có sự tin tưởng tuyệt đối với nhau và có lối sống khác biệt, vợ chồng anh thường xuyên làm ăn xa, mỗi người làm việc ở một tỉnh khác nhau nên rất ít khi gặp nhau. Anh chị đã không còn sống chung với nhau từ năm 2020 cho đến nay. Chị D đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần để làm việc, chị D biết việc ly hôn nhưng vẫn vắng mặt không lý do, cho thấy chị D không có thiện chí trong việc hòa giải đoàn tụ vợ chồng. Theo kết quả xác minh thì chị D có đăng ký hộ khẩu thường trú và đang sinh sống tại địa phương, chị D và anh T không còn sống chung với nhau. Như vậy, chứng tỏ mâu thuẫn giữa anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh T là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về con chung: Từ khi anh T, chị D không sống chung với nhau cho đến nay thì anh T là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung, việc nuôi con chung của anh T là đảm bảo. Vì vậy, cần thiết giao con chung cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu, là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

[6] Anh T không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con chung. Chị D vắng mặt nên không có lời trình bày, nên không xem xét giải quyết.

[7] Về tài sản chung: Anh T trình bày không có, chị D không có lời khai, nên không xem xét giải quyết.

[8] Về nợ chung: Anh T trình bày không có, chị D không có lời khai, nên không xem xét giải quyết.

[9] Về án phí: Anh Lê Văn T phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[10] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận .

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 28, 35, 39, 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 8, 9, 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về Án phí và Lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Văn T ly hôn chị Nguyễn Thị D.
2. Về con chung: Giao cháu Lê Nguyễn Minh A, sinh ngày 24/07/2020 cho anh Lê Văn T trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Lê Văn T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

Chị D được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không giải quyết.

4. Về án phí: Anh Lê Văn T phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0005926 ngày 15/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc được chuyển thành án phí.

Anh Lê Văn T, chị Nguyễn Thị D được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND H.Xuân Lộc;
- CCTHADS H.Xuân Lộc;
- Các đương sự;
- UBND xã nơi kết hôn;
- Lưu án văn, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Huệ